

# CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐẦU TƯ TẠI QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ



✍ NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG<sup>1</sup>  
TS. NGUYỄN MINH TIẾN<sup>2</sup>

## Tóm tắt

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là xác định các yếu tố tác động đến tỷ lệ nợ xấu của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2013-2017. Tác giả đã sử dụng 2 phương pháp nghiên cứu là thống kê mô tả, và phương pháp định lượng là hồi quy bội đa biến để xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của Quỹ trong giai đoạn 2013-2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy tổng tài sản, tăng trưởng tín dụng và tỷ lệ tiền vay trong hợp đồng trên tài sản thế chấp có ý nghĩa tác động đến rủi ro tín dụng tại Quỹ. Từ đó, dựa trên kết quả thống kê mô tả, phân tích hồi quy đa biến tác giả đã đưa ra một số gợi ý về hạn chế rủi ro và các gợi ý chính sách để giúp giảm nhẹ rủi ro tín dụng trong công tác cho vay đầu tư tại Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ.

**Từ khóa:** rủi ro tín dụng, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ.

## 1. Giới thiệu

Rủi ro tín dụng là mối quan tâm lớn không chỉ riêng Quỹ Đầu tư phát triển TP. Cần Thơ mà là của cả nền kinh tế. Rủi ro tín dụng xuất hiện không chỉ tác động trực tiếp đến nguồn vốn mà còn gây ra tác hại nghiêm trọng đến toàn bộ hoạt động của Quỹ; vì thế, rủi ro tín dụng là vấn đề quan tâm hàng đầu với Quỹ Đầu tư phát triển TP. Cần Thơ hiện nay. Tuy nhiên những khó khăn trên chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ và sâu sát để tìm ra các giải pháp khắc phục, hạn chế. Vào ngày 04 tháng 01 năm 2018, Quỹ Đầu tư phát triển TP. Cần Thơ đã tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức tổng kết hoạt động 5 năm (2013-2017) và phương hướng hoạt động 5 năm (2018-2023), Hội nghị đã đề cập đến các yếu tố bất cập trong vấn đề cho vay đầu tư và những thực trạng, khó khăn về tình hình rủi ro tín dụng tại Quỹ. Xuất phát từ những lý do nêu trên, việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng và đưa ra những giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay đầu tư tại Quỹ Đầu tư phát triển TP. Cần Thơ là yêu cầu cần thiết.

## 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ Đầu tư phát triển địa phương

**Tài sản thế chấp:** Tài sản thế chấp là số tiền vay trên tổng số tài sản dùng để đảm bảo cho khoản vay.

<sup>1</sup> Trường Đại học Tây Đô

<sup>2</sup> Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại

*Dự phòng rủi ro, phân loại nợ:* Phân loại nợ là việc các tổ chức tín dụng căn cứ vào các tiêu chuẩn định tính và định lượng để đánh giá mức độ rủi ro của các khoản vay và các cam kết ngoại bảng, trên cơ sở đó phân loại các khoản nợ vào các nhóm nợ thích hợp. Dự phòng rủi ro là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra do khách hàng của tổ chức tín dụng không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết.

*Tăng trưởng tín dụng:* Tăng trưởng tín dụng là khoản tăng giảm theo phần trăm khi so sánh với một thời điểm trong quá khứ, cũng tức là việc số tiền vay qua từng năm có chiều hướng tăng lên.

*Tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản:* Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản là một tỷ số tài chính dùng để đo lường khả năng sinh lợi trên mỗi đồng tài sản của doanh nghiệp. Tỷ số cho biết hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản để tạo ra thu nhập của Quỹ Đầu tư phát triển TP. Cần Thơ.

*Tổng tài sản:* Khi tổng tài sản càng lớn, điều đó chứng tỏ Quỹ Đầu tư phát triển TP. Cần Thơ hoạt động được hiệu quả, từ đó có thể mở rộng lĩnh vực hoạt động, đối tượng và dự án cho vay.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo tài chính, báo cáo thường xuyên trong không gian Quỹ Đầu tư phát triển TP. Cần Thơ trong phạm vi 5 năm (2013-2017).

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua sử dụng hồi qui đa biến nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng trong cho vay đầu tư tại Quỹ Đầu tư phát triển TP. Cần Thơ.

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu đó là tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến RRTD của Quỹ Đầu tư phát triển TP. Cần Thơ, tác giả đã xây dựng mô hình thực nghiệm có dạng như sau:

$$RRTD = \alpha + \beta_1 TONGTAISAN + \beta_2 TAISANTHECHAP + \beta_3 TANGTRUONGTINDUNG + \beta_4 DUPHONG + \beta_5 ROE + \epsilon$$

Bảng 1. Mô tả các biến sử dụng trong mô hình

| Biến độc lập                          | Ký hiệu               | Diễn giải biến                                                                | Kỳ vọng |
|---------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------|
| Tổng tài sản                          | TONGTAISAN            | Logarit của tổng tài sản bình quân (triệu đồng)                               | -       |
| Tỷ lệ tiền vay trên tài sản thế chấp  | TAISAN<br>THECHAP     | Tổng số tiền vay/Tổng tài sản thế chấp (%)                                    | +       |
| Tăng trưởng tín dụng                  | TANGTRUONG<br>TINDUNG | (Dư nợ tín dụng năm t - Dư nợ tín dụng năm t - 1)/ Dư nợ tín dụng năm t-1 (%) | +       |
| Dự phòng RRTD                         | DUPHONG               | Dự phòng RRTD/Tổng tài sản (%)                                                | -       |
| Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu | ROE                   | Lợi nhuận ròng/vốn chủ sở hữu (%)                                             | -       |

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

Kết quả thống kê mô tả được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Thống kê mô tả các biến trong mô hình.

| Biến              | Độ lệch chuẩn | Giá trị trung bình | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất |
|-------------------|---------------|--------------------|------------------|------------------|
| TONGTAISAN        | 0.588025      | 13.0295            | 12.06            | 13.92            |
| TANGTRUONGTINDUNG | 36.40864      | 35.6385            | -0.49            | 143.12           |
| DUPHONG           | 2.052545      | 7.8955             | 4.09             | 10.55            |
| ROE               | 0.510878      | 8.460593           | 7.202661         | 9.072916         |
| TAISANTHECHAP     | 10.79104      | 82.707             | 69.22            | 103.84           |
| RUIRO             | 5.504027      | 7.768              | 0                | 15.46            |

Bảng 3. Kết quả kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến

| Biến                                                                                                                                                                                                                                                                                   | VIF  | 1/VIF    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
| TONGTAISAN                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3,21 | 0,311695 |
| TAISANTHECHAP                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2,38 | 0,419549 |
| TANGTRUONGTINDUNG                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2,16 | 0,463288 |
| DUPHONG                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1,95 | 0,512715 |
| ROE                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1,46 | 0,683968 |
| Giá trị trung bình VIF                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2,23 |          |
| Hệ số xác định bội (R bình phương) = 0,8187<br>Hệ số xác định điều chỉnh (R bình phương điều chỉnh) = 0,7539<br>Giá trị xác suất của thống kê F: Prob>F = 0,0001<br>Kiểm định F = 12,64<br>Kiểm định Durbin Watson = 1,26685<br>Kiểm định chi bình phương = 0,74<br>Prob>chi2 = 0,3890 |      |          |

Prob>F = 0,0001<0,05 nên mô hình có ý nghĩa thống kê. Tức tồn tại ít nhất một biến độc lập trong mô hình có mối quan hệ tuyến tính với biến phụ thuộc.

R bình phương = 0,8187 và R bình phương điều chỉnh = 0,7539 nghĩa là 75,39% sự biến thiên của biến phụ thuộc RUIRO được giải thích bởi 5 biến độc lập trong mô hình, còn lại là 24,67%.

Nhân tố phóng đại phương sai vì bằng 2,23<10 nên không có hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình.

Kiểm tra hiện tượng phương sai sai số thay đổi trong mô hình bằng kiểm định Breusch-Pagan/Cook-Weisberg. Ta thấy giá trị Chi bình phương = 0,74 và Prob>chi2 = 0,3890>0,05 nên chấp nhận giả thuyết Ho là phương sai sai số không đổi. Vậy Mô hình không có hiện tượng phương sai sai số thay đổi.

Bảng 4. Kết quả kiểm định các giả thuyết nghiên cứu

| Biến              | Giá trị hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa | Sai số chuẩn | t     | P>  t  | Khoảng tin cậy 95% |            |
|-------------------|--------------------------------------|--------------|-------|--------|--------------------|------------|
| TONGTAISAN        | -4,751279                            | 1,908033     | -2,49 | 0,026* | -8,843603          | -0,6589554 |
| TANGTRUONGTINDUNG | -0,0769095                           | 0,0252765    | -3,04 | 0,009* | -0,1311222         | -0,0226968 |
| DUPHONG           | 0,6202835                            | 0,4262026    | 1,46  | 0,168  | -0,2938302         | 1,534397   |
| ROE               | -2,229633                            | 1,482555     | -1,50 | 0,155  | -5,409397          | 0,9501321  |
| TAISANTHECHAP     | 0,3403101                            | 0,0896174    | 3,80  | 0,002* | 0,1480999          | 0,5325202  |
| Hàng số           | 58,23627                             | 29,88435     | 1,95  | 0,072* | -5,859294          | 122,3318   |

Chú thích: \*: mức ý nghĩa 5%

4.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu

**Tổng tài sản (TONGTAISAN):** Biến TONGTAISAN có hệ số  $\beta = -4,75$  với giá trị P\_Value =  $0,026 < 0,05$  nên biến tổng tài sản có ý nghĩa tác động đến biến RUIRO ở mức ý nghĩa 5% với điều kiện các yếu tố khác không đổi. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy tổng tài sản tương quan tỷ lệ nghịch với rủi ro tín dụng của Quý. Nói một cách khác, Quý Đầu tư phát triển TP. Cần Thơ có tổng tài sản tăng thì rủi ro sẽ giảm khi logarit tổng tài sản tăng 1 thì rủi ro sẽ giảm 4,7 lần.

**Tăng trưởng tín dụng (TANGTRUONGTINDUNG):** Trong nghiên cứu này tỷ lệ nợ xấu được sử dụng có độ trễ là một năm so với biến tăng trưởng tín dụng. Biến TANGTRUONGTINDUNG có hệ số  $\beta = -0,07$  với giá trị P\_Value =  $0,009 < 0,05$  nên biến tăng trưởng tín dụng có ý nghĩa tác động đến biến RUIRO ở mức ý nghĩa 5% với điều kiện các yếu tố khác không đổi. Nghĩa là tăng trưởng tín dụng nếu tăng 1% thì rủi ro sẽ giảm 0,07%. Đúng với kỳ vọng nghiên cứu này tìm thấy mối tương quan nghịch giữa tăng trưởng tín dụng và rủi ro tín dụng của Quý.

**Dự phòng rủi ro tín dụng (DUPHONG):** Biến DUPHONG có hệ số  $\beta = 0,62$  với giá trị P\_Value =  $0,168 > 0,05$  nên biến dự phòng không có ý nghĩa tác động đến biến RUIRO ở mức ý nghĩa 5% với điều kiện các yếu tố khác không đổi. Dự phòng rủi ro tín dụng và tỷ lệ nợ xấu được tìm thấy có mối quan đồng biến nhưng chưa có ý nghĩa thống kê.

**Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE):** Biến ROE có hệ số  $\beta = -2,22$  với giá trị P\_Value =  $0,155 > 0,05$  nên biến ROE không có ý nghĩa tác động đến biến RUIRO ở mức ý nghĩa 5% với điều kiện các yếu tố khác không đổi. Tìm thấy mối quan hệ nghịch biến nhưng chưa có ý nghĩa thống kê giữa tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu và tỷ lệ nợ xấu trong kết quả hồi quy.

**Tỷ lệ tiền vay trên tài sản thế chấp (TAISANTHECHAP):** Biến TAISANTHECHAP có hệ số  $\beta = 0,34$  với giá trị P\_Value =  $0,002 < 0,05$  nên biến tài sản thế chấp có ý nghĩa tác động đến biến RUIRO ở mức ý nghĩa 5% với điều kiện các yếu tố khác không đổi. Nghiên cứu này tìm thấy mối tương quan thuận giữa tỷ lệ tiền vay/tài sản thế chấp và rủi ro tín dụng của Quý, nghĩa là nếu tỷ lệ tổng tiền vay/ tổng tài sản thế chấp tăng 1% thì rủi ro tăng 0,34%.

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Tác giả phát hiện những điểm sau đây: Biến tổng tài sản có quan hệ nghịch chiều với rủi ro tín dụng ở mức ý nghĩa 5%. Biến tăng trưởng tín dụng tác động nghịch chiều đến rủi ro tín dụng, với mức ý nghĩa 5%. Tìm thấy mối quan hệ đồng biến giữa tỷ lệ tiền vay trong hợp đồng trên tài

sản thế chấp với tỷ lệ nợ xấu ở mức ý nghĩa 5%. Ngoài ra, tìm thấy mối quan hệ đồng biến giữa dự phòng rủi ro tín dụng và rủi ro tín dụng nhưng vẫn chưa có ý nghĩa thống kê và mối quan hệ nghịch biến nhưng cũng chưa có ý nghĩa thống kê giữa tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu và tỷ lệ nợ xấu trong kết quả hồi quy.

## **5.2. Khuyến nghị giải pháp**

### ***i) Tổng tài sản của Quỹ Đầu tư phát triển TP. Cần Thơ***

Quỹ cần phải có chiến lược tăng tổng tài sản, tăng vốn chủ sở hữu trong thời gian sắp tới nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh và cạnh tranh. Việc nâng cao năng lực tài chính là điều kiện cần và đủ để Quỹ có thể nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường và có đủ tiềm lực để áp dụng vận hành mô hình quản trị rủi ro hiệu quả. Trong đó, Quỹ sẽ tập trung vào hai vấn đề chính là vốn chủ sở hữu và vốn huy động.

### ***ii) Tỷ lệ tổng tiền vay trên tài sản thế chấp***

Cán bộ tín dụng phải thực hiện đúng quy định trong việc kiểm tra, giám sát vốn vay, tài sản thế chấp. Thiết lập mô hình kiểm tra chéo giữa các cán bộ tín dụng để luân phiên giám sát các khoản tín dụng của nhau. Ngoài ra, hoạt động kiểm tra nội bộ cũng góp phần ngăn chặn và phát hiện những trường hợp vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

### ***iii) Tỷ lệ nợ xấu năm trước***

Cơ cấu lại nợ đối với các khách hàng có khả năng phát triển: Đối với khoản nợ quá hạn khách hàng chưa có khả năng trả, sau khi phân tích thực trạng tài chính, nếu đánh giá khách hàng có khả năng phát triển và thanh toán nợ quá hạn thì Quỹ sẽ áp dụng biện pháp cơ cấu lại nợ.

Xử lý từ quỹ dự phòng rủi ro cho vay: Trường hợp được xử lý từ quỹ dự phòng rủi ro cho vay là khi khách hàng vay vốn bị phá sản, giải thể, không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ đối với nợ nhóm 5.

Chuyển giao rủi ro như bán nợ: Đây là chuyển giao toàn bộ hoặc một phần kinh phí bù đắp tổn thất cho đối tượng khác bên ngoài gánh chịu.

Khoanh nợ, xóa nợ: Đây là biện pháp xử lý rủi ro tín dụng nhưng lại đem lại tổn thất trực tiếp cho Quỹ. Thẩm quyền quyết định khoanh nợ và xóa nợ thuộc UBND thành phố.

Khởi kiện: Đây là biện pháp áp dụng cuối cùng sau khi Quỹ Đầu tư phát triển TP. Cần Thơ đã dùng tất cả các biện pháp để thu hồi nợ.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Võ Thị Quý và Bùi Ngọc Toàn (2014), Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của Hệ thống NHTM Việt Nam, Tạp chí khoa học, Trường Đại học Mở TP.HCM, số 3 (36), tr.16-25.
2. Nguyễn Thị Ngọc Diệp và Nguyễn Minh Kiều (2014), Ảnh hưởng của yếu tố đặc điểm đến rủi ro tín dụng NHTM Việt Nam, Tạp chí Phát triển kinh tế, số 26(3), tr.49-63.
3. Trương Đông Lộc và Nguyễn Văn Thép (2015), Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của các quỹ tín dụng nhân dân khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 444, tr.61-70.
4. Nguyễn Quốc Anh và Nguyễn Hữu Thạch (2015), Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng - Bằng chứng thực nghiệm tại các NHTM Việt Nam, Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang, số 1 (1), tr.27-39.